

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hà Thị A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- **Bị đơn:** Ông Phạm B1, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1951.

Đồng địa chỉ: Thôn M, xã L, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Ngô Thị C, sinh năm 1988

Địa chỉ: X1, xã Y1, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị A đối với số tiền phạt cọc 100.000.000 đồng.

- Huỷ hợp đồng đặt cọc ngày 17/5/2022 giữa ông Phạm B1, bà Nguyễn Thị B2 và bà Hà Thị A.

- Ông Phạm B1 và bà Nguyễn Thị B2 có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị A số tiền 168.000.000 đồng theo lộ trình như sau:

+ Từ ngày 15/4/2024 đến ngày 15/7/2024: Ông B1, bà B2 trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng.

+ Từ ngày 15/7/2024 đến ngày 15/10/2024: Ông B1, bà B2 phải trả toàn bộ số tiền 118.000.000 đồng là hết.

Trường hợp đến ngày 15/7/2024, ông B1, bà B2 không trả số tiền 50.000.000 đồng, bà Hà Thị A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành phát mãi tài sản của ông B1, bà B2 để thu hồi toàn bộ số tiền 168.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm B1 và bà Nguyễn Thị B2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông Đồng, bà Tâm được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bà Hà Thị A phải chịu án phí 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 6.700.000đ (*Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005383 ngày 27/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Hoàn lại cho bà Hà Thị A số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Huyền